

Số: 685/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố H, ngày 04 tháng 9 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 57, Điều 58 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân thụ lý số: 699/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

**Anh Phan Hữu Trung A**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số D đường P, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**Chị Nguyễn Thị Minh T**, sinh ngày 2001.

Địa chỉ: Số C đường V, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ngày 25/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Huế nhận được đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, đối với người yêu cầu anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T**. Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T**.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên là **Phan Nguyễn Phương V**, sinh ngày 13/4/2020 và **Phan Nguyễn Quỳnh T1**, sinh ngày 30/01/2023.

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao con chung **Phan Nguyễn Phương V** và **Phan Nguyễn Quỳnh T1** cho anh **Phan Hữu Trung A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Chị **Nguyễn Thị Minh T** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T** xác nhận không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổ chức hòa giải nhưng hòa giải đoàn tụ không thành. Tại biên bản hòa giải ngày 26 tháng 8 năm 2024, anh **A**, chị **T** vẫn giữ nguyên yêu cầu như ban đầu và yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các bên đương sự. Cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T**.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên **Phan Nguyễn Phương V**, sinh ngày 13/4/2020 và **Phan Nguyễn Quỳnh T1**, sinh ngày 30/01/2023 .

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao con chung **Phan Nguyễn Phương V** và **Phan Nguyễn Quỳnh T1** cho anh **Phan Hữu Trung A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Chị **Nguyễn Thị Minh T** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.(Hiện nay cháu **V** và cháu **T1** đang ở với anh **Phan Hữu Trung A**).

- Về tài sản chung: Anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T** xác nhận không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận mỗi bên chịu 150.000 đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T**.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên **Phan Nguyễn Phương V**, sinh ngày 13/4/2020 và **Phan Nguyễn Quỳnh T1**, sinh ngày 30/01/2023 .

Hai bên thỏa thuận, khi ly hôn giao con chung **Phan Nguyễn Phương V** và **Phan Nguyễn Quỳnh T1** cho anh **Phan Hữu Trung A** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên, đủ 18 tuổi. Chị **Nguyễn Thị**

**Minh T** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.(Hiện nay cháu **V** và cháu **T1** đang ở với anh **A**).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi ích của con anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T** có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T** xác nhận không có nợ của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Các đương sự chịu 300.000 đồng tiền lệ phí thuận tình ly hôn. Hai bên thỏa thuận anh **A** chịu 150.000 đồng, chị **T** chịu 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004609 ngày 07/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh **Phan Hữu Trung A** và chị **Nguyễn Thị Minh T** đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

**THẨM PHÁN**

- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường Kim Long, tp Huế;
- ĐKKH số 87, ngày 05/11/2020;)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

**NGUYỄN HƯƠNG LAN**